

## **Tăng trưởng xanh trong sản xuất nông nghiệp tại vùng Nam Trung Bộ**

**HOÀNG HỒNG HIỆP  
CHÂU NGỌC HÒE**

**T**ăng trưởng xanh trong nông nghiệp hiện vẫn còn khá mới mẻ cả về phương diện lý luận lẫn thực tiễn. Bài viết phân tích một số vấn đề lý luận cơ bản về tăng trưởng xanh trong sản xuất nông nghiệp và đề xuất một số khuyến nghị chính sách quan trọng nhằm thúc đẩy tăng trưởng xanh trong nông nghiệp vùng Nam Trung Bộ.

**Từ khóa:** tăng trưởng xanh, nông nghiệp, nông nghiệp xanh, miền Trung, Nam Trung Bộ.

### **1. Tăng trưởng xanh trong nông nghiệp**

Tăng trưởng xanh được mô tả như là một phương cách vừa theo đuổi mục tiêu tăng trưởng và phát triển kinh tế, đồng thời đảm bảo ngăn chặn những suy thoái môi trường, sự đánh mất đa dạng sinh học và việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên không bền vững, nhằm mục đích tối đa hóa cơ hội khai thác các nguồn lực tăng trưởng sạch hơn, từ đó dẫn đến một mô hình tăng trưởng bền vững hơn đối với môi trường (OECD, 2011b).

Nông nghiệp tuy luôn có đóng góp to lớn trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn nhưng quá trình sản xuất nông nghiệp của Việt Nam hầu như chỉ tập trung vào mục tiêu gia tăng năng suất mà chưa quan tâm nhiều đến những tác động đến xã hội, tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Thực hiện tăng trưởng xanh trong sản xuất nông nghiệp nhằm hướng đến các mục tiêu chính sau: (i) duy trì và gia tăng năng suất sản xuất nông nghiệp dựa trên nền tảng công nghệ cao nhằm hướng đến cung cấp cho thị trường các nông sản xanh, sạch vừa đảm bảo hiệu quả kinh tế cho nông dân, đồng thời vừa đảm bảo các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm, góp phần bảo vệ sức khỏe cho cả người sản xuất lẫn người tiêu dùng; (ii) giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực

của hoạt động sản xuất nông nghiệp đến môi trường tự nhiên; (iii) sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phục vụ sản xuất nông nghiệp, đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững của các hệ sinh thái tự nhiên (đất, nước, không khí và đa dạng sinh học...); và (iv) đảm bảo gia tăng phúc lợi xã hội cho người nông dân và khu vực nông thôn.

Như vậy, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp chỉ mới là một nội dung quan trọng của thực hiện tăng trưởng xanh trong nông nghiệp, điều mấu chốt là công nghệ cao ấy khi ứng dụng vào sản xuất nông nghiệp phải đảm bảo được các mục tiêu phát triển bền vững ở khía cạnh môi trường và xã hội<sup>1</sup>. Ứng dụng công nghệ xanh là con đường tối ưu để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững nền nông nghiệp trong bối cảnh hiện nay.

---

Hoàng Hồng Hiệp, TS.; Châu Ngọc Hòe, ThS.,  
Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ.

1. Ứng dụng công nghệ sinh học để tạo ra nông sản biến đổi gen là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao góp phần gia tăng năng suất, song sự an toàn của thực phẩm biến đổi gen đối với sức khỏe người tiêu dùng hiện vẫn là dấu hỏi lớn. Với lo ngại về an toàn sức khỏe, công nghệ cao nhiều khi không hẳn là công nghệ xanh do chưa đảm bảo được tiêu chí xã hội và môi trường.

## Tăng trưởng xanh ...

**BẢNG 1: Một số quy định cơ bản về thực hiện tăng trưởng xanh trong sản xuất nông nghiệp**

Quy định	Mục đích	Hình thức, tiêu chuẩn
Chất lượng nước	Duy trì những đặc tính cơ bản của nước (về hóa học, vật lý và sinh học) bằng cách giải quyết các nguồn ô nhiễm.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm soát nước ngầm</li> <li>- Kiểm soát xả thải ô nhiễm</li> <li>- Kiểm soát ô nhiễm từ chăn nuôi gia súc</li> <li>- Thể chế, quy định gắn với hệ thống tưới tiêu</li> </ul>
Chất lượng không khí	Duy trì và cải thiện chất lượng không khí để bảo vệ sức khỏe con người và môi trường bằng cách kiểm soát hữu hiệu lượng khí thải từ hoạt động nông nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiêu chuẩn xả thải với các chất vô cơ trong không khí</li> <li>- Tiêu chuẩn đối với bụi lơ lửng trong không khí</li> </ul>
Sử dụng đất	Giữ gìn chất lượng đất qua việc hạn chế cường độ sản xuất và việc sử dụng quá mức hoá chất vô cơ, các loại thuốc bảo vệ thực vật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiêu chuẩn quy định về giới hạn sử dụng hóa chất</li> <li>- Kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng hóa chất</li> <li>- Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp hợp lý</li> </ul>
Thuốc trừ sâu, các hóa chất vô cơ trong sản xuất nông nghiệp	Kiểm soát việc sử dụng các hóa chất có thể gây nguy hiểm cho sức khỏe con người và môi trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh mục thuốc trừ sâu, hóa chất vô cơ cấm sử dụng trong nông nghiệp</li> <li>- Quy trình sử dụng thuốc trừ sâu, hóa chất vô cơ</li> <li>- Phát triển các mô hình hạn chế sử dụng thuốc trừ sâu, hóa chất vô cơ</li> <li>- Tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất trong lương thực, thực phẩm</li> </ul>
Môi trường tự nhiên	Duy trì và khôi phục môi trường tự nhiên và các hệ sinh thái, đảm bảo cân bằng đa dạng sinh học tự nhiên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo tồn các hệ sinh thái và đa dạng sinh học</li> <li>- Bảo vệ các loài có nguy cơ tuyệt chủng trong nông nghiệp</li> <li>- Tiêu chuẩn quy định về môi trường trong sản xuất nông nghiệp</li> </ul>
Máy móc, thiết bị, công nghệ nông nghiệp	Ứng dụng máy móc, thiết bị, công nghệ xanh trong sản xuất nhằm gia tăng năng suất, đảm bảo hiệu quả sản xuất song đồng thời ngăn chặn được ngay từ đầu thiệt hại về môi trường, xã hội	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ứng dụng công nghệ xanh, quy trình sản xuất xanh trong sản xuất nông nghiệp.</li> <li>- Kiểm soát lượng phát thải, tiếng ồn, năng lượng của máy móc, thiết bị.</li> </ul>
An toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn lao động và phúc lợi xã hội	Bảo vệ sức khỏe của người tiêu dùng, người sản xuất nông nghiệp, đảm bảo gia tăng phúc lợi cho người dân	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiêu chuẩn về nhãn mác và nguồn gốc xuất xứ sản phẩm.</li> <li>- Tiêu chuẩn, quy định về quy trình sản xuất, bảo quản, lưu trữ, xử lý, sơ chế nông sản.</li> <li>- Tiêu chuẩn, quy định về an toàn lao động trong sản xuất nông nghiệp.</li> <li>- Tiêu chuẩn, quy định về bảo vệ các hệ sinh thái.</li> </ul>

Nguồn: OECD (2013a).

### 2.2. Sự cần thiết phải thực hiện tăng trưởng xanh trong sản xuất nông nghiệp

Trong ngắn hạn, thực hiện tăng trưởng xanh trong nông nghiệp gắn với yêu cầu bảo vệ môi trường và đảm bảo lợi ích xã hội có

thể làm suy giảm sản lượng đầu ra của ngành nông nghiệp do mục tiêu gia tăng năng suất (nhằm tối đa hóa lợi ích kinh tế) không là duy nhất. Bên cạnh đó, những yêu cầu bắt buộc phải điều chỉnh cách thức sử dụng nhân lực, tài chính và các nguồn lực tự nhiên trong sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất xanh có thể khiến năng suất sản xuất bị suy giảm trong ngắn hạn. Tuy nhiên, trong dài hạn, thực hiện tăng trưởng xanh trong nông nghiệp sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng bền vững về kinh tế, môi trường, và xã hội.

*Về kinh tế:* thực hiện tăng trưởng xanh trong nông nghiệp sẽ góp phần làm gia tăng lợi ích kinh tế cho người nông dân thông qua việc sử dụng hiệu quả hơn các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất, cũng như quản lý một cách hữu hiệu tài nguyên thiên nhiên phục vụ sản xuất nông nghiệp trong dài hạn. Mặc dù thời gian đầu, các biện pháp sản xuất xanh gắn với bảo vệ môi trường và xã hội có thể làm suy giảm đáng kể sản lượng đầu ra của ngành nông nghiệp, song trong dài hạn, các lợi ích kinh tế sẽ được gia tăng nhờ vào sự đáp ứng các nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng sản phẩm nông nghiệp. Những biện pháp thúc đẩy tăng trưởng xanh sẽ góp phần làm giảm sự tiêu dùng quá mức cũng như sử dụng tiết kiệm hơn các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất nông nghiệp như nguồn nước, năng lượng, các loại hóa chất vô cơ, thuốc bảo vệ thực vật... Điều này khiến chi phí sản xuất xã hội về dài hạn có thể giảm đáng kể. Bên cạnh đó, thực hiện tăng trưởng xanh trong nông nghiệp sẽ tạo cơ hội gia tăng thu nhập cho nông dân nhờ vào định vị mức giá bán cao hơn trên thị trường (so với giá nông sản sản xuất theo phương thức truyền thống) do ưu điểm cung cấp những sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao, thân thiện với môi trường và an toàn đối với sức khỏe con người. Theo tính toán của OECD, giá các sản phẩm hữu cơ được ước tính cao hơn từ 20% - 40% giá của các sản phẩm nông nghiệp sản xuất theo phương thức thông

thường (nông nghiệp vô cơ). Như vậy, yêu cầu mấu chốt ở đây là các sản phẩm nông nghiệp xanh phải được định vị rõ trên thị trường tiêu thụ.

Ở một phương diện khác, việc đầu tư vào ngành nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường cũng có thể dẫn đến việc hình thành các nguồn lực cho tăng trưởng kinh tế trong ngành nông nghiệp thông qua các loại hàng hóa môi trường (như các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch...) và các loại hình dịch vụ tương ứng (như du lịch sinh thái, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên...). Đây cũng có thể được xem là những xung lực mới cho phát triển ngành nông nghiệp và cũng là những hình thức liên kết mới có thể tạo thêm việc làm, gia tăng thu nhập cho người nông dân, cư dân nông thôn. Thực tiễn ở các nước OECD cho thấy, ngành du lịch sinh thái tại các trang trại, khu bảo tồn thiên nhiên và tại các khu vực nông thôn đã và đang dần trở thành một ngành công nghiệp mới nổi tạo lợi nhuận đáng kể cho nông dân. Tương tự, vấn đề sản xuất năng lượng sinh học từ chất thải hữu cơ nông nghiệp cũng đã góp phần cải thiện đáng kể thu nhập, đời sống của nông dân và cộng đồng dân cư nông thôn tại các quốc gia OECD.

*Về môi trường:* có thể thấy rằng, kết quả phát triển bền vững trong dài hạn của ngành nông nghiệp phụ thuộc chặt chẽ vào việc quản lý và sử dụng đúng đắn các nguồn tài nguyên tự nhiên của nó. Do vậy, thực hiện tăng trưởng xanh trong nông nghiệp sẽ là "chìa khóa" quan trọng để quản lý tốt các nguồn lực tự nhiên phục vụ hoạt động sản xuất nông nghiệp bền vững. Cụ thể, việc quản lý đất đai theo hướng sinh thái, môi trường sẽ giúp phục hồi và cải thiện đáng kể chất lượng đất nông nghiệp so với sản xuất theo phương thức canh tác truyền thống, nhất là góp phần đáng kể trong gia tăng hàm lượng dinh dưỡng tự nhiên và khả năng giữ ẩm của đất, giảm hiện tượng "đầu độc" đất và ô nhiễm nguồn nước bằng các sản phẩm hóa học vô cơ, giảm tổn thất từ việc kháng thuốc

bảo vệ thực vật, xói mòn đất. Việc nâng cao vai trò của các loài thiên địch trong chế ngự các sinh vật gây hại cho nông nghiệp (rõ nét trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ) thay vì sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật vô cơ sẽ góp phần đảm bảo sự đa dạng hóa sinh học của tự nhiên, bảo tồn nguồn gen cho các loài sinh vật quý, qua đó đảm bảo cho sự phát triển tự nhiên và bền vững của ngành nông nghiệp. Ngoài ra, với tiếp cận gắn với môi trường, thực hiện tăng trưởng xanh trong nông nghiệp sẽ góp phần giảm thiểu chi phí xã hội dành cho bảo vệ môi trường, làm giảm đáng kể rủi ro đối với môi trường đến từ hoạt động sản xuất nông nghiệp nhờ vào tăng cường liên kết sinh thái nông nghiệp. Đặc biệt việc chuẩn bị các biện pháp thích ứng với những rủi ro của biến đổi khí hậu cũng góp phần giảm thiểu đáng kể tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu đến năng suất, giảm thiểu chi phí xã hội dành cho bảo hiểm đối với các loại cây trồng và con vật nuôi.

*Về mặt xã hội:* quản lý tốt nguồn tài nguyên nông nghiệp trên cơ sở thực hiện tăng trưởng xanh sẽ góp phần làm gia tăng khả năng phát triển kinh tế nông thôn. Trong đó, gia tăng sản xuất hàng hóa và dịch vụ môi trường nông nghiệp có thể tạo ra công ăn việc làm đáng kể cho khu vực nông thôn, từ đó góp phần nâng cao phúc lợi cho các hộ nông dân thông qua việc cải thiện việc làm, thu nhập. Ở một khía cạnh khác, thực hiện các mô hình sản xuất xanh sẽ góp phần bảo vệ sức khỏe cho người nông dân trực tiếp tham gia hoạt động sản xuất nông nghiệp do không phải sử dụng quá mức các loại hóa chất vô cơ, đồng thời góp phần bảo vệ sức khỏe cho người tiêu dùng nhờ vào tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp sạch, xanh, an toàn. Ngoài ra, các biện pháp phát triển nông nghiệp gắn với môi trường cũng có thể góp phần giảm nghèo ở khu vực nông thôn thông qua tăng cường cung cấp các dịch vụ thiết yếu như thực phẩm, nước và vệ sinh môi trường. Đặc biệt, sản xuất nông nghiệp hữu

cơ và sản xuất năng lượng sinh khối có thể là nền tảng đảm bảo cho sự tăng trưởng của lao động nông nghiệp, đảm bảo thu nhập và đời sống cho các hộ dân vùng nông thôn. Tương tự, du lịch sinh thái, du lịch kết hợp với nông nghiệp sinh thái cũng có thể là mô hình đầy hứa hẹn cho nông dân và cộng đồng địa phương trong việc nâng cao thu nhập phi nông nghiệp cho cư dân vùng nông thôn.

### **3. Một số rào cản trong thực hiện tăng trưởng xanh trong sản xuất nông nghiệp tại vùng Nam Trung Bộ**

#### **3.1. Người nông dân vùng Nam Trung Bộ chưa nhận thức đúng, đầy đủ về những tác hại của việc sử dụng các loại hóa chất vô cơ trong canh tác và tiêu dùng các sản phẩm nông nghiệp**

Nhận thức của các hộ nông dân vùng Nam Trung Bộ về tác hại của các loại hóa chất vô cơ trong sản xuất nông nghiệp còn khá hạn chế và không đầy đủ, người nông dân chưa thật sự chú trọng đến hiệu quả kinh tế (bài toán chi phí - lợi ích) và an toàn sức khỏe đối với việc sử dụng các loại hóa chất vô cơ trong sản xuất nông nghiệp cũng như tiêu dùng các sản phẩm nông nghiệp. Kết quả khảo sát 246 hộ nông dân vùng Nam Trung Bộ (bảng 2) cho thấy, đa số các hộ nông dân được phỏng vấn đều cho rằng, phân bón vô cơ, việc sử dụng chất kích thích tăng trưởng đều ít gây nguy hại cho sức khỏe của người sản xuất và người tiêu dùng các sản phẩm nông nghiệp, trong khi đó đa số đều cho rằng chỉ thuốc trừ sâu mới là rất độc hại với con người. Rõ ràng, việc nhận thức chưa đầy đủ này có thể khiến nông dân tiếp tục sản xuất nông nghiệp theo phương thức truyền thống (nền nông nghiệp vô cơ), chú trọng gia tăng năng suất thông qua gia tăng quá mức việc sử dụng các loại hóa chất vô cơ và các loại thuốc tăng trưởng để kích thích sự phát triển của nông sản, trong khi các loại hóa chất này có nhiều tác động tiêu cực đến sức khỏe con người, đến sự đa dạng hóa sinh học do sử dụng không đúng liều lượng, đúng lúc, đúng cách. Như vậy, nhận thức không đầy đủ về tác hại của việc

## Tăng trưởng xanh ...

sử dụng các loại hóa chất vô cơ trong sản xuất nông nghiệp là trở ngại to lớn đối với

quá trình thực hiện xanh hóa sản xuất nông nghiệp tại vùng Nam Trung Bộ.

**BẢNG 2: Nhận thức tác hại của các loại hóa chất vô cơ của các hộ nông dân (%)**

TT	Nội dung	Mức độ có hại				
		Hoàn toàn không có hại	Có hại rất ít	Có hại	Có hại đáng kể	Rất có hại
1	Theo ông/ bà phân bón vô cơ có gây hại cho người tiêu dùng không?	47,03	25,25	12,38	13,37	1,98
2	Theo ông/ bà thuốc trừ sâu có gây hại cho người tiêu dùng không?	9,36	22,17	10,84	28,57	29,06
3	Theo ông/ bà thuốc tăng trưởng có gây hại cho người tiêu dùng không?	26,09	27,72	14,67	19,02	11,41
4	Theo ông/ bà thuốc diệt cỏ có gây hại cho người tiêu dùng không?	12,81	30,05	9,85	25,12	22,17
5	Theo ông/ bà phân bón vô cơ có gây hại cho người ông/ bà không?	41,29	25,87	16,42	12,94	3,48
6	Theo ông/ bà thuốc trừ sâu có gây hại cho người ông/ bà không?	2,46	7,39	16,75	32,51	40,89
7	Theo ông/ bà thuốc tăng trưởng có gây hại cho người ông/ bà không?	18,23	16,02	22,65	28,18	14,92
8	Theo ông/ bà thuốc diệt cỏ có gây hại cho người ông/ bà không?	3,96	6,93	15,35	33,66	40,10
9	Theo ông/ bà phân bón vô cơ có gây hại cho môi trường không?	34,33	23,88	11,44	20,40	9,95
10	Theo ông/ bà thuốc trừ sâu có gây hại cho môi trường không?	2,97	9,90	9,90	32,18	45,05
11	Theo ông/ bà thuốc tăng trưởng có gây hại cho môi trường không?	19,46	17,30	15,68	24,32	23,24
12	Theo ông/ bà thuốc diệt cỏ có gây hại cho môi trường không?	3,47	7,92	9,41	30,69	48,51

*Nguồn:* Kết quả khảo sát chính sách nông nghiệp xanh vùng Nam Trung Bộ, Đề tài cấp bộ 2015-2016 của Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ.

### **3.2. Cơ chế, chính sách thực hiện xanh hóa sản xuất nông nghiệp ở Nam Trung Bộ còn nhiều hạn chế, chưa được áp dụng phổ biến trong thực tế sản xuất nông nghiệp vùng**

Có thể thấy rằng, các chính sách thực hiện tăng trưởng xanh trong nông nghiệp tại vùng Nam Trung Bộ còn nhiều hạn chế, đa số chỉ dừng lại dưới góc độ khuyến khích, hướng dẫn và giúp đỡ người dân hạn chế sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật, phân bón và hóa chất vô cơ như Chương trình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), “3 giảm 3 tăng”, “1 phải 5 giảm”. Một số mô hình sản xuất an

toàn theo tiêu chuẩn VietGAP đã được bước đầu thử nghiệm tại một số địa phương nội vùng song chủ yếu vẫn dừng lại ở mức độ thí điểm trong diện hẹp, thiếu các chính sách thúc đẩy nhân rộng mô hình ra toàn vùng. Đặc biệt, các sản phẩm nông nghiệp sản xuất từ mô hình này chưa nhận được sự bảo chứng bởi Nhà nước nên thị trường tiêu thụ nông sản hiện nay vẫn chưa có sự phân biệt rõ nét giữa các sản phẩm nông nghiệp sản xuất theo phương thức truyền thống và theo các mô hình sản xuất sạch theo tiêu chuẩn VietGAP. Kết quả điều tra 246 hộ nông dân vùng Nam Trung Bộ cho thấy, có đến hơn

60% hộ nông dân đánh giá rằng mức giá và sức tiêu thụ của các sản phẩm nông nghiệp sạch hiện nay trên thị trường không có sự khác biệt so với các sản phẩm nông nghiệp truyền thống. Trong khi thực tế cho thấy, sản xuất sạch có thể gia tăng chi phí và giảm năng suất trong ngắn hạn so với phương thức sản xuất truyền thống. Do vậy, nếu không có vai trò của Nhà nước trong hỗ trợ định vị các nông sản sạch trên thị trường tiêu thụ, người nông dân sẽ không có động cơ và mục tiêu kinh tế để chuyển đổi sang sản xuất nông nghiệp xanh, sạch, an toàn.

**BẢNG 3: Áp dụng mô hình sản xuất sạch VietGap ở Nam Trung Bộ**

Chỉ tiêu	Tỷ lệ
Tỷ lệ hộ dân áp dụng sản xuất sạch VietGap	8,1
Hộ dân chưa tham gia mong muốn tham gia	46,8

*Nguồn:* Kết quả khảo sát chính sách nông nghiệp xanh vùng Nam Trung Bộ, Đề tài cấp bộ 2015-2016 của Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ.

Chính sách phát triển cánh đồng mẫu lớn<sup>2</sup> ở Nam Trung Bộ hiện nay gặp rất nhiều khó khăn do diện tích canh tác nông nghiệp của vùng còn khá manh mún do bị chia cắt mạnh bởi điều kiện địa lý, địa hình tự nhiên. Thực tế khảo sát cho thấy, mặc dù 100% số hộ tham gia mô hình cánh đồng mẫu đánh giá hiệu quả kinh tế tăng lên đáng kể khi tham gia mô hình, trong đó có 60% cho rằng hiệu quả tăng mạnh, song lại có đến 80,6% số hộ không tham gia mô hình nhận định rằng lý do chính của việc không tham gia mô hình là do bị giới hạn bởi số lượng hộ tham gia. Như vậy, việc nhân rộng mô hình này ở Nam Trung Bộ một mặt phụ thuộc vào đặc điểm tự nhiên đất canh tác lúa của vùng, chính sách “hạn điền” của Nhà nước, mặt khác còn phụ thuộc rất nhiều vào chính sách của Nhà nước trong thúc đẩy nhân rộng mô hình, tạo điều kiện thuận lợi để hình thành các mối liên kết nông nghiệp trong hình thành nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa quy mô lớn theo hướng xanh hóa.

Chính sách hỗ trợ tín dụng nông nghiệp cũng được triển khai khá mạnh mẽ ở khu vực nông thôn của vùng Nam Trung Bộ. Tuy nhiên, do các hộ nông dân chủ yếu canh tác ở quy mô hộ gia đình và vẫn sử dụng phương thức canh tác truyền thống nên nhu cầu vốn thực tế và nhu cầu vay vốn phục vụ sản xuất nông nghiệp là không cao (67,7% các hộ gia đình nông dân được điều tra đều cho rằng gia đình có đủ vốn cho hoạt động sản xuất). Như vậy, sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ là rào cản lớn cho việc triển khai các chính sách hỗ trợ tín dụng theo hướng thúc đẩy tăng trưởng xanh.

**BẢNG 4: Vay vốn sản xuất nông nghiệp của hộ nông dân vùng Nam Trung Bộ**

Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)
Số hộ tham gia vay vốn sản xuất nông nghiệp	21
Thủ tục vay vốn	21
- Nhanh, gọn	19,4
- Bình thường	1,6
- Khó khăn	0
Số hộ không tham gia vay vốn sản xuất nông nghiệp	79
Nguyên nhân không vay vốn	79
- Không biết thông tin	3,2
- Lãi suất cao	3,2
- Không đủ điều kiện	4,8
- Gia đình có đủ vốn sản xuất	67,7

*Nguồn:* Kết quả khảo sát chính sách nông nghiệp xanh vùng Nam Trung Bộ, Đề tài cấp bộ 2015-2016 của Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ.

Ngoài ra, việc triển khai và thực thi các chính sách bảo hiểm nông nghiệp ở vùng Nam Trung Bộ còn rất hạn chế. Kết quả khảo sát cho thấy 100% số hộ dân được điều tra không tham gia bảo hiểm nông nghiệp, trong đó có đến trên 80% số nông hộ chưa từng nghe đến bảo hiểm nông nghiệp. Theo khảo sát thực địa vùng Nam Trung Bộ, nông

2. Mô hình cánh đồng mẫu lớn (mô hình sản xuất nông nghiệp quy mô lớn nhờ vào tích tụ ruộng đất) là mô hình có nhiều thuận lợi trong ứng dụng công nghệ xanh, quy trình sản xuất xanh, cũng như nâng cao mức độ liên kết trong sản xuất nông nghiệp.

## Tăng trưởng xanh ...

ngành là khu vực sản xuất có rủi ro cao nhưng lợi nhuận thấp, do vậy các doanh nghiệp bảo hiểm không tham gia cung ứng các dịch vụ bảo hiểm cho đối tượng này. Điều này rất cần sự hỗ trợ của Nhà nước để kích hoạt trào lưu tham gia bảo hiểm nông nghiệp, nhất là ưu đãi bảo hiểm đối với các mô hình sản xuất nông nghiệp xanh cần khuyến khích.

### **3.3. Công nghệ sản xuất nông nghiệp vùng Nam Trung Bộ còn khá lạc hậu, ứng dụng công nghệ hiện đại, công nghệ xanh vào sản xuất nông nghiệp còn rất mờ nhạt**

Với phương thức canh tác truyền thống ở quy mô hộ gia đình, hầu hết các hộ nông dân vùng Nam Trung Bộ chỉ sử dụng máy móc cơ giới công suất nhỏ và bán cơ giới trong sản xuất nông nghiệp (bảng 5). Tuy nhiên, hầu hết đều là máy móc dịch vụ được thuê lại của các hộ, các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp

nên chi phí khá cao khiến hiệu quả sản xuất nông nghiệp bị suy giảm đáng kể. Hoạt động đẩy mạnh cơ giới hóa, tự động hóa sản xuất gặp rất nhiều khó khăn do tập quán sản xuất quy mô hộ gia đình theo phương thức canh tác truyền thống và do đất canh tác nông nghiệp manh mún. Do vậy, việc ứng dụng công nghệ cao, hiện đại, công nghệ xanh, quy trình sản xuất sạch vào sản xuất nông nghiệp tại vùng Nam Trung Bộ cũng còn rất hạn chế. Thực tế cho thấy, các mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, sản xuất nông sản an toàn theo tiêu chuẩn GAP, đã được áp dụng phổ biến ở một số quốc gia phát triển (Hàn Quốc, Úc, EU, Ixaren...) và cũng đã bước đầu đạt được những thành công nhất định tại một số địa phương Việt Nam (Hà Nội, Đà Lạt, Đồng bằng sông Cửu Long...), song lại chưa được ứng dụng phổ biến tại vùng Nam Trung Bộ.

**BẢNG 5: Phương thức sản xuất của nông dân vùng Nam Trung Bộ**

	Chỉ tiêu	Quan sát	Phần trăm	Phần trăm quan sát phản hồi	Lũy tiến
Có phản hồi	Hoàn toàn thủ công	4	1,6	1,6	1,6
	Sử dụng cơ giới nhỏ	103	41,9	42,6	44,3
	Bán cơ giới	126	51,6	52,5	96,7
	Cơ giới hóa, tự động hóa	8	3,2	3,3	100,0
	Tổng	241	98,4	100,0	
	Không phản hồi	5	1,6		
	Tổng quan sát	246	100,0		

*Nguồn:* Kết quả khảo sát chính sách nông nghiệp xanh vùng Nam Trung Bộ, Đề tài cấp bộ 2015-2016 của Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ.

### **3.4. Chính sách khuyến nông còn khá đơn điệu, thiếu hiệu quả, chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất xanh của các hộ nông dân vùng**

Kết quả khảo sát 246 hộ nông dân vùng Nam Trung Bộ về việc nắm bắt các thông tin gắn với các mô hình sản xuất sạch, an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP cho thấy, có đến 37,1% các hộ gia đình được phỏng vấn chưa từng nghe đến thông tin về mô hình

sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP. Trong đó, đa số các hộ được điều tra biết về các mô hình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP chủ yếu từ kênh truyền hình. Điều này hàm ý rằng, công tác khuyến nông và các phương thức tuyên truyền khác đã không làm tốt vai trò tuyên truyền, nâng cao nhận thức nông dân về ứng dụng các mô hình sản xuất sạch trong ngành nông nghiệp.

**BẢNG 6: Hiểu biết về các mô hình sản xuất sạch, an toàn, VietGap**

Nội dung	Số quan sát	Tỷ lệ (%)
Đã từng nghe	155	62,9
Chưa từng nghe	91	37,1
Tổng	246	100,0

*Nguồn:* Kết quả khảo sát chính sách nông nghiệp xanh vùng Nam Trung Bộ, Đề tài cấp bộ 2015-2016 của Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ.

Trong số các hộ nông dân có biết về mô hình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, thì có đến 58,1% số nông hộ cho biết sẽ không tham gia mô hình này do họ cho rằng mô hình này chưa được triển khai thực tế tại địa phương. Điều này cho thấy, nông dân của vùng Nam Trung Bộ chưa chủ động tìm tòi, ứng dụng các mô hình sản xuất mới, thụ động chờ chính quyền địa phương tiến hành triển khai thử nghiệm các mô hình mẫu, chờ đợi sự thành công rõ ràng của mô hình trong thực tế mới tiến hành tham gia. Trong khi đó, khảo sát thực địa cho thấy, vai trò của các cơ quan quản lý nông nghiệp địa phương chỉ dừng lại ở các biện pháp tuyên truyền cho nông dân về các mô hình mẫu, việc chủ động xây dựng mô hình mẫu trong thực tiễn và chủ động mời các hộ nông dân tham gia mô hình chưa được thực hiện. Điều này khiến các mô hình này gặp nhiều khó khăn trong áp dụng đại trà trong thực tế.

Công tác khuyến nông tại vùng Nam Trung Bộ vẫn còn khá đơn điệu, nhất là chưa đóng vai trò quan trọng trong khuyến khích nông dân đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, hiện đại, công nghệ xanh vào sản xuất nông nghiệp của vùng. Đặc biệt, công tác khuyến nông vẫn chưa hướng vào đại đa số hộ nông dân trong tiếp cận với các quy trình sản xuất sạch, lịch canh tác, công nghệ mới, thị trường... Thể hiện rõ nét là các lớp tập huấn nông nghiệp được các hộ nông dân đánh giá rất cao về tính hiệu quả, song vẫn có tỷ lệ đáng kể các hộ nông dân không được tham gia các lớp tập huấn này.

**BẢNG 7: Tình hình tham gia các lớp tập huấn sản xuất nông nghiệp năm 2014**

Chỉ tiêu	Quan sát	Tỷ lệ
Có tham gia đầy đủ	135	54,8
Thỉnh thoảng	67	27,4
Hiếm khi	12	4,8
Không	32	12,9
Tổng	246	100,0

*Nguồn:* Kết quả khảo sát chính sách nông nghiệp xanh vùng Nam Trung Bộ, Đề tài cấp bộ 2015-2016 của Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ.

#### **4. Một số khuyến nghị chính sách nhằm thúc đẩy xanh hóa sản xuất nông nghiệp vùng Nam Trung Bộ**

Một là, rà soát quy hoạch, điều chỉnh chiến lược phát triển nông nghiệp cho từng địa phương nội vùng. Từ đó, đẩy mạnh thực hiện xanh hóa sản xuất một cách trọng điểm ở một số ngành nông nghiệp mà từng địa phương có lợi thế phát triển. Tránh tình trạng xanh hóa sản xuất cho tất cả mọi ngành, mọi lĩnh vực của hoạt động sản xuất nông nghiệp tại vùng. Xây dựng và hoàn thiện chính sách đất đai theo hướng mở rộng "hạn điền", thúc đẩy quá trình tập trung ruộng đất theo hướng sản xuất lớn gắn với thị trường là điều kiện mấu chốt nhằm thúc đẩy cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp, hình thành các mô hình sản xuất nông nghiệp xanh theo quy mô công nghiệp, công nghệ cao. Bên cạnh đó, chính quyền địa phương cần tạo cơ chế thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại, xanh trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt khuyến khích cao nhất việc ứng dụng công nghệ cao, công nghệ xanh, sạch, quy trình sản xuất xanh, công nghệ sinh thái để thúc đẩy sản xuất ra các sản phẩm nông nghiệp an toàn, thân thiện với môi trường. Ngoài ra, chính quyền địa phương cần tập trung xây dựng cơ chế chính sách ưu đãi để khuyến khích các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp lớn có năng lực



sản xuất sạch, doanh nghiệp FDI, tạo hướng mở để họ dễ dàng tiếp cận với nông dân về đất đai cũng như lao động. Doanh nghiệp sẽ đưa ra cơ chế thỏa thuận, người dân quyết định, Nhà nước đóng vai trò trung gian và hỗ trợ thông tin cho nông dân và doanh nghiệp. Thúc đẩy nhân rộng và phát triển các hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới hiện nay, trong đó chú trọng mở rộng vai trò của hợp tác xã như một tổ chức kinh doanh hoạt động hiệu quả, mang lợi ích cho bà con xã viên trong hợp tác xã, là đại diện và là cầu nối giữa các hộ nông dân với doanh nghiệp và thị trường.

*Hai là*, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ, thúc đẩy phát triển nền nông nghiệp xanh tại vùng Nam Trung Bộ. Trong đó, chú trọng vào nâng cao hiệu quả của các chính sách về tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho các hộ sản xuất nông nghiệp về lợi ích của sản xuất nông nghiệp theo hướng xanh hóa. Chính quyền địa phương cần tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân trong việc cần thiết áp dụng các quy trình sản xuất VietGAP, GlobalGAP, các chương trình sản xuất xanh, tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật trong quá trình sản xuất, thu hoạch, bảo quản. Đặc biệt, cần chú trọng nâng cao nhận thức về tác hại, những ảnh hưởng tiêu cực của các loại hóa chất vô cơ trong sản xuất nông nghiệp đối với người sản xuất, người tiêu dùng. Từng bước tác động thay đổi phương thức sản xuất theo hướng giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ kỹ thuật, vốn, công nghệ, nhân lực để khuyến khích phát triển nhanh các mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, xanh trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao ở một số địa phương nội vùng trên cơ sở khai thác triệt để lợi thế so sánh về sản xuất nông nghiệp của từng địa phương đó. Xây dựng cơ chế tạo động lực thúc đẩy người dân chủ động liên kết thực hiện các mô hình sản xuất nông nghiệp xanh trong vùng.

*Ba là*, nhanh chóng hình thành và phát triển thị trường tiêu thụ nông sản xanh tại vùng Nam Trung Bộ, nhất là xây dựng các

chính sách khuyến khích tiêu dùng các sản phẩm nông nghiệp xanh. Đặc biệt, cần nhanh chóng triển khai xây dựng các quy định rõ ràng về các tiêu chuẩn sản phẩm xanh, sạch, sinh thái. Trên cơ sở đó, xây dựng các văn bản quy định rõ ràng về gắn nhãn sản phẩm xanh và mã hóa việc truy xuất nguồn gốc nông sản đi kèm với việc kiểm soát chặt chẽ các hệ tiêu chuẩn về công nghệ, quy trình sản xuất, nguồn gốc xuất xứ... Từng bước xây dựng các chế tài với các sản phẩm nông nghiệp không gắn nhãn và nguồn gốc sản xuất trên thị trường. Đồng thời, cần thường xuyên thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ thị trường tiêu thụ nông sản theo các quy định của pháp luật về chất lượng, nguồn gốc, vệ sinh an toàn thực phẩm. Đặc biệt, cần xử phạt nghiêm minh những cơ sở thu mua, cung ứng nông sản độc hại, không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Đây là những điều kiện tối quan trọng để tạo ra sự phân biệt rõ ràng các sản phẩm nông nghiệp xanh trên thị trường tiêu thụ nông sản, qua đó tạo chỗ đứng vững chắc cho các nông sản xanh trên thị trường tiêu thụ. Nâng cao hơn nữa vai trò đầu mối liên kết của hợp tác xã với các nhà tiêu thụ nhằm đảm bảo đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp xanh. Ngoài ra, chính quyền địa phương và các cơ quan hữu quan cần kiểm soát chặt chẽ các doanh nghiệp sản xuất và cung ứng đầu vào sản xuất nông nghiệp hiện nay. Kiểm soát chặt chẽ hoạt động nhập khẩu các hóa chất và sản phẩm đầu vào của nông nghiệp. Xây dựng các chế tài đủ mạnh để xử phạt các doanh nghiệp sản xuất sử dụng các chất cấm trong nông nghiệp. Điều này hết sức quan trọng đối với bản chất của nền nông nghiệp xanh là kiểm soát ngay từ đầu vào của quá trình sản xuất, chứ không phải là kiểm soát duy nhất khâu đầu ra (hậu kiểm) như hiện nay.

*Bốn là*, Nhà nước cần thành lập một vai trung tâm kiểm định nông nghiệp đạt tiêu chuẩn quốc tế tại khu vực miền Trung nhằm đáp ứng nhu cầu kiểm định chất lượng sản

phẩm nông nghiệp xuất khẩu. Động thái này sẽ giảm đáng kể chi phí trung gian cho việc kiểm định chất lượng như hiện nay rằng phải gửi nông sản đi nước ngoài kiểm định, vừa tốn thời gian và chi phí, vừa khó tiếp cận đối với nông dân và các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản quy mô vừa và nhỏ. Đặc biệt, cần nhanh chóng thành lập Trung tâm kiểm định và cấp chứng nhận các sản phẩm nông sản xanh theo tiêu chuẩn VietGap, GlobalGap, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ cho cả khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Trung tâm này vừa đảm nhận chức năng kiểm định quy trình sản xuất và cấp chứng nhận sản phẩm xanh trên nhiều cấp độ khác nhau (dán nhãn xanh VietGap, GlobalGap, sản phẩm nông nghiệp hữu cơ,...), vừa duy trì việc kiểm tra, giám sát quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn đã cấp chứng nhận. Điều này giúp Trung tâm quản lý tốt quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn đề ra, sẵn sàng thu hồi giấy chứng nhận nếu nhà sản xuất vi phạm các quy chuẩn sản xuất đã được cấp chứng nhận. Thực tế cho thấy, khi cấp giấy chứng nhận VietGap, các cơ quan liên quan thường bỏ qua quá trình tái kiểm tra, giám sát liên tục quá trình tuân thủ quy trình sản xuất của các cơ sở đã được cấp phép (hậu kiểm). Bên cạnh đó, nhằm minh bạch hóa và quản lý hữu hiệu nguồn gốc nông sản, các thông tin về nông sản, tiêu chuẩn sản xuất, cơ sở sản xuất, địa chỉ và điện thoại liên lạc, tên cơ quan kiểm dịch, cả số điện thoại đường dây nóng phản ánh về chất lượng sản phẩm, là những thông tin quan trọng cần thiết phải được số hóa trong quản lý, kiểm tra và truy xuất nguồn gốc. Đây là điều kiện mấu chốt để chính thức hóa, chuẩn hóa và giúp định vị các sản phẩm xanh từ các mô hình sản xuất nông nghiệp xanh trên thị trường tiêu thụ. Cần xác định, giải pháp này là giải pháp bản lề, then chốt quyết định sự thành công của các mô hình sản xuất xanh hiện nay. Các địa phương nội vùng cần hình thành các cơ quan kiểm định hoặc bộ phận hỗ trợ người dân thực hiện các thủ tục để được công nhận quy

trình sản xuất xanh. Hiện tại, vấn đề cấp chứng nhận theo các tiêu chuẩn này gặp khó khăn do quy mô sản xuất nhỏ hộ gia đình trong khi lệ phí cấp chứng nhận là khá lớn. Do vậy, chính quyền cấp cơ sở cần tập trung hỗ trợ nông dân có nhu cầu sản xuất xanh hoàn thiện hồ sơ và hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện./.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Blandford, D. (2013), *Green growth in the agro-food chain: What role for the private sector?*, OECD Publishing.
2. ESCAP-APCAEM, *A Feasibility Study on the Application of green technology for sustainable agriculture development: Assessing the policy impact in selected member countries of ESCAP-APCAEM*, Asian and Pacific Centre for Agricultural Engineering and Machinery.
3. Hall A. & Dorai K. (2010), *The greening of agriculture: agricultural innovation and sustainable growth*, In OECD Synthesis Report on Agriculture and Green Growth.
4. Kim Sơ và Đắc Thành (2013), Thanh long VietGAP, *Báo Nông nghiệp Việt Nam online*, cập nhật ngày 13-05-2013.
5. Koothakkan P., Altieri M. A. & Gimenez E. H. (2012), *Green Agriculture: foundations for biodiverse, resilient and productive agricultural systems*, International Journal of Agricultural Sustainability, 10(1), 61-75.
6. Nguyễn Duy Vĩnh (2013), *Vấn đề tăng trưởng xanh và phát triển nông nghiệp xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long*, <http://vukehoach.mard.gov.vn/Default.aspx?id=1356>.
7. Nguyễn Trọng Hoài (2014), *Phát triển nông nghiệp theo hướng tăng trưởng xanh: tiếp cận hành vi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật tại đồng bằng sông Cửu Long*. *Tạp chí Kinh tế phát triển*, số 284 (06-2014).
8. OECD (2013a). *Agriculture and Green Growth*, OECD Green Growth Studies, OECD Publishing.
9. OECD (2013b). *Policy Instruments to Support Green Growth in Agriculture*, OECD Green Growth Studies, OECD Publishing.
10. OECD (2011a), *Food and Agriculture*. OECD Publishing.
11. OECD (2011b), *Towards Green Growth*. OECD Publishing.
12. UNEP (2011), *Agriculture: Investing in natural capital*, United Nations Environment Programme.